

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 4 năm 2023

Số: 1495/TB-ĐHĐT

## THÔNG BÁO

### Thu học phí học kỳ II năm học 2022-2023 và học phí nợ (nhắc lại)

Kính gửi:

- Sinh viên các lớp chính quy tại Trường;
- Sinh viên các lớp liên thông, văn bằng 2 (VLVH) tại Trường;
- Học viên các lớp cao học và nghiên cứu sinh tại Trường;

Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-ĐHĐT ngày 12/9/2022 về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-ĐHĐT ngày 21/3/2022 về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non; Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 06/6/2022 về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp; Căn cứ Quyết định số 1526/QĐ-ĐHĐT ngày 08/7/2022 về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Thông báo số 2198/TB-ĐHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Đồng Tháp, năm học 2022-2023;

Căn cứ Thông báo số 383/TB-ĐHĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc thu học phí học kỳ II năm học 2022-2023 và học phí nợ;

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo thu học phí học kỳ II năm học 2022-2023 và học phí nợ, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng áp dụng:** Sinh viên, học viên cao đẳng, đại học, sau đại học hệ chính quy, VLVH và nghiên cứu sinh tại Trường.

**2. Thời gian và hình thức nộp học phí**

❖ **Thời gian: gia hạn đến hết ngày 10/5/2023.**

❖ **Hình thức nộp học phí:**

Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh chọn 01 trong 02 cách sau:

(1) Chuyển khoản theo đúng cú pháp:

[MSSV] [HỌ TÊN] [SỐ ĐIỆN THOẠI] [HP]

Ví dụ: 001941xxxx NGUYEN VAN A 093979xxxx HP



- Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**
- Số tài khoản: **107000802759**
- Mở tại: **Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp**  
(Tên viết tắt: **PVCOMBANK**)

(2) Nộp trực tiếp:

- Địa điểm: Phòng giao dịch Ngân hàng Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (Dãy kios phía trước khuôn viên Trường – trên mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu, làm việc các ngày thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hằng tuần) và các phòng giao dịch của các Ngân hàng thương mại trên toàn quốc.

- Nội dung nộp tiền: ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp chuyển khoản.

**\*\*Lưu ý:** Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh chụp lại màn hình giao dịch thành công/giấy nộp tiền tại các điểm giao dịch ngân hàng để đối soát khi cần.

**3. Mức thu học phí:** theo Quyết định số 2370/QĐ-ĐHĐT ngày 12/9/2022 về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp; các lớp vừa làm vừa học tại Trường theo mức thu quy định tại Thông báo số 2198/TB-ĐHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2022 (**đính kèm Thông báo này**).

#### **4. Số điện thoại tư vấn**

- Phòng Kế hoạch – Tài chính: 0913 755 279 (Cô Mỹ Trinh).

- Ngân hàng Đại chúng Việt Nam – CN Đồng Tháp: 0773 132 163 (Cô Thủy Tiên).

Việc đóng học phí là nghĩa vụ của sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Những trường hợp không hoàn thành nghĩa vụ học phí sẽ không được dự thi kết thúc học phần theo quy định.

Nhà trường đề nghị các Khoa, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trung tâm Liên kết đào tạo – Bồi dưỡng nghề và các đơn vị liên quan triển khai nội dung thông báo này đến các lớp sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh hệ chính quy, vừa làm vừa học tại Trường biết và thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Các Khoa, P. ĐT SĐH, TT. LKĐT-BDN;
- Ngân hàng PVCOMBANK – CN ĐT;
- Các lớp SV, HV;
- Lưu VT, KHTC.





Số: 2370 /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 9 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo  
tại Trường Đại học Đồng Tháp

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTG ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp; Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-ĐHĐT ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐT ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Đồng Tháp về việc thống nhất chủ trương về lộ trình thu học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 theo đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 1381/TTr-ĐHĐT ngày 18 tháng 8 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp theo các phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quản lý thu học phí

Phòng Kế hoạch – Tài chính phối hợp với các khoa, các đơn vị liên quan thông báo mức học phí và chủ trì cấp hóa đơn/biên lai thu đúng quy định của Nhà trường.



**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính và Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*luu*

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hồ Văn Thống**





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 1

MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỔI VỚI SINH VIÊN KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1870/DHĐT ngày 18/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/tin chi

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học					Tổng học phí toàn khóa
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026		
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm (đổi với sinh viên học lại, học cải thiện)	310	370	450	530	-	
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	310	370	450	530	49,800	
3	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường	330	400	480	570	53,400	
4	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin	360	430	520	620	57,900	
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh	300	400	470	570	52,200	

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

lu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 2

MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRẢ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỰ PHẠM KHỎA TUYỂN SINH NĂM 2021, 2022  
THUỘC ĐỐI TƯỢNG NỘP HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 2570/DHDT ngày 28/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học				
			2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	8,820	9,375	10,575	11,925	13,425

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

W

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 3

MỨC THU HỌC PHÍ CHÍNH QUY ĐẠI TRÀ - HỆ CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SINH VIÊN SỬ PHẠM KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2022  
NHẬN ĐẶT HÀNG ĐÀO TẠO THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2020/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số 2370/ĐHDT ngày 18/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	12,500	14,100	15,900	17,900

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

W



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 4

MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC, VĂN BẰNG 2  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HỌC VIÊN KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2370/ĐHDT ngày 19/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

1. Đối với các lớp mở tại Trường

1. Học phí áp dụng đối với các lớp từ 20 học viên

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Các ngành sư phạm	10,300	13,700	17,800	22,800
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	10,300	13,700	17,800	22,800
3	Khối ngành IV: Khoa học sư sồng, khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường	11,100	14,800	19,200	24,600
4	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thú y sản, thú y	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin	11,900	15,900	20,800	26,600
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh	9,900	14,600	19,000	24,300

2. Học phí áp dụng đối với các lớp dưới 20 học viên

Mức thu học phí theo mức thỏa thuận với người học nhưng không vượt quá 1,5 lần mức thu học phí chính quy cùng khối ngành.

## II. Đối với các lớp mở tại các đơn vị liên kết đào tạo

- Mức thu học phí theo thỏa thuận giữa Nhà trường với đơn vị liên kết đào tạo nhưng không vượt quá 1,5 lần mức thu học phí chính quy cùng khối ngành.
- Mức thu học phí của từng năm học thể hiện rõ trong hợp đồng đào tạo ký kết giữa Nhà trường với đơn vị liên kết đào tạo.

## III. Học phí học lại

Học phí học lại = Tổng số thu học phí toàn khóa/(chia) Tổng số tín chỉ của toàn khóa học theo kế hoạch học tập chuẩn.

## IV. Số năm học học viên phải nộp học phí

Số năm học học viên phải nộp học phí tối đa bằng với số năm học theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Học viên học tập ở năm học nào thì nộp theo mức học phí của năm học ấy. *lll*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hồ Văn Thống**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC 5  
MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC  
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU SINH/HỌC VIÊN KHÓA TUYỂN SINH TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 2370 /ĐHDT ngày 12 / 9 /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

I. Đào tạo Thạc sĩ

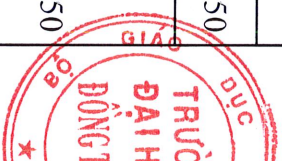
1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

ĐVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục; Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học); Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	18,750	21,150	23,850	26,850
2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Hóa lý thuyết và hóa lý	20,250	22,800	25,650	28,950
3	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Ngôn ngữ Việt Nam; Lịch sử Việt Nam	18,000	22,500	25,350	28,650

2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà học viên chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn cùng khối ngành.





## II. Đào tạo Tiến sĩ

### 1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

DVT: nghìn đồng/năm học

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2022 -2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục	31,250	35,250	39,750	44,750

### 2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà Nghiên cứu sinh chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn cùng khối ngành.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hồ Văn Thông**



## THÔNG BÁO

### Về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Đồng Tháp, năm học 2022 – 2023

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ quyết định 2370/QQĐ-ĐHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học các lớp tại Trường, năm học 2022 – 2023, như sau:

**1. Định mức học phí:** theo phụ lục đính kèm.

**2. Đối với sinh viên phải học bổ sung kiến thức:** ngoài việc đóng học phí quy định tại khoản 1 của Thông báo này, sinh viên phải đóng thêm tiền học phí bổ sung kiến thức tương ứng với số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo.

**3. Phương thức thu, thời gian thu tiền học phí**

- Phương thức thu: sinh viên nộp tiền học phí về tài khoản của Trường Đại học Đồng Tháp bằng việc chọn 01 trong 02 cách sau:

+ *Cách thứ nhất:* Chuyển khoản theo đúng cú pháp sau

[Mã số sinh viên] [HỌ TÊN] [SỐ ĐIỆN THOẠI] [HP]

Ví dụ: 001841xxxx NGUYEN VAN A 093979xxxx HP

Trong đó: ++ Tên tài khoản: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

++ Số tài khoản: 107000802759

++ Mở tại: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp  
(Tên viết tắt: PVCOMBANK)

+ *Cách thứ hai:* sinh viên nộp trực tiếp tại phòng giao dịch của các Ngân hàng thương mại trên toàn quốc và ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp chuyển khoản tại nội dung nộp tiền.

+ *Lưu ý:* Sinh viên chụp lại màn hình giao dịch thành công/giấy nộp tiền tại các điểm giao dịch ngân hàng để đối soát khi cần.

- Thời gian nộp học phí:

+ Học kỳ 1: trước ngày 31/12/2022.

+ học kỳ 2: trước ngày 30/3/2023.

**4. Kiểm tra tình trạng học phí và hình thức xử lý đối với trường hợp sinh viên vi phạm**

a) *Hình thức kiểm tra:* sinh viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân tại hệ thống quản lý học tập của Trường Đại học Đồng Tháp (<https://portal.dthu.edu.vn/>) để kiểm tra tình trạng học phí trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nộp học phí vào tài khoản của Trường Đại học Đồng Tháp.

c) Hình thức xử lý đối với sinh viên vi phạm quy định về việc đóng học phí theo quy định tại Thông báo này: không được tham gia kỳ thi kết thúc học phần của học kỳ đó hoặc bị xóa tên trong danh sách lớp học.

**5. Thông tin liên hệ, hỗ trợ:** Cô Dương Thị Mỹ Trinh, viên chức Phòng Kế hoạch tài chính, Trường Đại học Đồng Tháp, số điện thoại: 0913 755 279, email: mytrinhdhdt1966@gmail.com.

Trên đây là Thông báo về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Đồng Tháp. Nhà trường đề nghị các khoa đào tạo thông báo cho sinh viên được biết và sinh viên các lớp nghiêm túc thực hiện tinh thần của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Sinh viên các lớp;
- Khoa Đào tạo;
- Lưu: VT, KHTC, TT. LKĐT-BDN (Ngọc).



**Hồ Văn Thống**



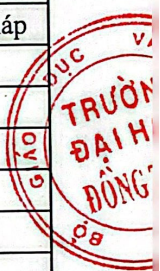
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC  
MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO HÌNH THỨC VỮA LÀM VỮA HỌC NĂM HỌC 2022-2023  
MỞ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 2198/QĐ-ĐHĐT ngày 19/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Đơn vị tính: đồng

TT	LỚP	KHÓA TUYỂN SINH	NGÀNH	HỌC PHÍ/ NĂM HỌC	GHI CHÚ
1	CĐGDMN20-V	2020	Giáo dục Mầm non	10.000.000	
2	ĐHGDMN20-L3	2020	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
3	ĐHGDMN21A-L2	2021	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
4	ĐHGDMN21B-L2	2021	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
5	ĐHGDMN21C-L2	2021	Giáo dục Mầm non	10.000.000	
6	ĐHGDMN21D-L2	2021	Giáo dục Mầm non	10.000.000	
7	ĐHGDMN21-L3	2021	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
8	ĐHGDMN22B-L2	2022	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
9	ĐHGDMN22B-L3	2022	Giáo dục Mầm non	13.000.000	
10	ĐHGDMN22-L2	2022	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
11	ĐHGDMN22-L3	2022	Giáo dục Mầm non	13.000.000	
12	CĐGDMN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Mầm non	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
13	ĐHANH20-B2	2020	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
14	ĐHANH21A-B2	2021	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
15	ĐHANH21B-B2	2021	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
16	ĐHANH21C-B2	2021	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
17	ĐHANH22-B2	2022	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
18	ĐHCNTT21A-L2	2021	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
19	ĐHCNTT21B-L2	2021	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
20	ĐHCNTT22-B1 (VNPT)	2022	Công nghệ Thông tin	14.500.000	
21	ĐHCNTT22-B2	2022	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
22	ĐHCNTT22-L2	2022	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
23	ĐHCNTT22-L3	2022	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
24	ĐHGDC22-L2	2022	Giáo dục Chính trị	12.000.000	
25	ĐHGDC22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Chính trị	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
26	ĐHGDC21A-L2	2021	Giáo dục Thể chất	11.000.000	
27	ĐHGDC21A-L3	2021	Giáo dục Thể chất	15.000.000	
28	ĐHGDC21B-L2	2021	Giáo dục Thể chất	11.000.000	
29	ĐHGDC21B-L3	2021	Giáo dục Thể chất	15.000.000	
30	ĐHGDC21C-L2	2021	Giáo dục Thể chất	11.000.000	
31	ĐHGDC22B-L2	2022	Giáo dục Thể chất	12.000.000	
32	ĐHGDC22-L2	2022	Giáo dục Thể chất	12.000.000	
33	ĐHGDC22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Thể chất	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
34	ĐHGDT21A-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
35	ĐHGDT21-B2	2021	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
36	ĐHGDT21B-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	





37	ĐHGDTH21C-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
38	ĐHGDTH21D-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
39	ĐHGDTH21-L4	2021	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
40	ĐHGDTH22-B2 (SP)	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
41	ĐHGDTH22B-B2	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
42	ĐHGDTH22B-L2	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
43	ĐHGDTH22B-L3	2022	Giáo dục Tiểu học	14.000.000	
44	ĐHGDTH22B-L4	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
45	ĐHGDTH22-L2	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
46	ĐHGDTH22-L3-	2022	Giáo dục Tiểu học	14.000.000	
47	ĐHGDTH22-L4 (SP)	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
48	ĐHGDTH22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
49	ĐHGDTH22-L3-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
50	ĐHKT22-B1 (VNPT)	2022	Kế toán	12.500.000	
51	ĐHKT22-B2	2022	Kế toán	15.000.000	
52	ĐHKT22B-L2	2022	Kế toán	15.000.000	
53	ĐHKT22-L2	2022	Kế toán	15.000.000	
54	ĐHKT22-L3	2022	Kế toán	15.000.000	
55	ĐHKT22-L4	2022	Kế toán	15.000.000	
56	ĐHQLĐĐ20-B2	2020	Quản lý Đất đai	12.000.000	
57	ĐHQLĐĐ20-L3	2020	Quản lý Đất đai	9.000.000	
58	ĐHQLĐĐ20-L4	2020	Quản lý Đất đai	12.000.000	
59	ĐHQLĐĐ20-L5	2020	Quản lý Đất đai	12.000.000	
60	ĐHQLĐĐ22-B2	2022	Quản lý Đất đai	10.000.000	
61	ĐHQLĐĐ22-L2	2022	Quản lý Đất đai	9.000.000	
62	ĐHQLĐĐ22-L3	2022	Quản lý Đất đai	10.000.000	
63	ĐHQLĐĐ22-L4	2022	Quản lý Đất đai	10.000.000	
64	ĐHSAN21-L2	2021	Sư phạm Âm nhạc	11.000.000	
65	ĐHSAN22-L2	2022	Sư phạm Âm nhạc	12.000.000	
66	ĐHSAN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Âm nhạc	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
67	ĐHSAN22-L3-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Âm nhạc	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
68	ĐHSANH21-L2	2021	Sư phạm Tiếng anh	10.000.000	Áp dụng đối với chương trình đào tạo có 38 tín chỉ
69	ĐHSANH22B-L2	2022	Sư phạm Tiếng anh	12.000.000	
70	ĐHSANH22-L2	2022	Sư phạm Tiếng anh	12.000.000	
71	ĐHSANH22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Tiếng anh	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
72	ĐHSCN21-L2	2021	Sư phạm Công nghệ	9.000.000	
73	ĐHSCN22B-L2	2022	Sư phạm Công nghệ	10.000.000	
74	ĐHSCN22-L2	2022	Sư phạm Công nghệ	10.000.000	
75	ĐHSCN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Công nghệ	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
76	ĐHSĐIA21-L2	2021	Sư phạm Địa lí	9.000.000	
77	ĐHSĐIA22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Địa lí	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
78	ĐHSHOA21A-L2	2021	Sư phạm Hóa học	9.000.000	
79	ĐHSHOA21B-L2	2021	Sư phạm Hóa học	9.000.000	
80	ĐHSKHTN22-L2	2022	Sư phạm Khoa học tự nhiên	10.000.000	
81	ĐHSLY21-L2	2021	Sư phạm Vật lý	9.000.000	
82	ĐHSLY22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Vật lý	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
83	ĐHSMT21A-L2	2021	Sư phạm Mỹ thuật	11.000.000	



84	ĐHSMT21B-L2	2021	Sư phạm Mỹ thuật	11.000.000	
85	ĐHSMT22-L2	2022	Sư phạm Mỹ thuật	11.000.000	
86	ĐHSMT22-L3	2022	Sư phạm Mỹ thuật	14.000.000	
87	ĐHSMT22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Mỹ thuật	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
88	ĐHSMT22-L3-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Mỹ thuật	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
89	ĐHSSĐ22-L2	2022	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	14.000.000	
90	ĐHSSINH21-L2	2021	Sư phạm Sinh học	10.000.000	
91	ĐHSSINH22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Sinh học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
92	ĐHSSU22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Lịch sử	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
93	ĐHSTIN21-L2	2021	Sư phạm Tin học	9.000.000	
94	ĐHSTIN22B-L2	2022	Sư phạm Tin học	13.000.000	
95	ĐHSTIN22-L2	2022	Sư phạm Tin học	13.000.000	
96	ĐHSTIN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Tin học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
97	ĐHSTOAN21A-L2	2021	Sư phạm Toán học	9.000.000	
98	ĐHSTOAN21B-L2	2021	Sư phạm Toán học	9.000.000	
99	ĐHSTOAN22B-L2	2022	Sư phạm Toán học	15.000.000	
100	ĐHSTOAN22-L2	2022	Sư phạm Toán học	15.000.000	
101	ĐHSTOAN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Toán học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
102	ĐHSVAN21-L2	2021	Sư phạm Ngữ văn	12.000.000	
103	ĐHSVAN22-L2	2022	Sư phạm Ngữ văn	12.000.000	
104	ĐHSVANN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Ngữ văn	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
105	ĐHTQ20-B2	2020	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
106	ĐHTQ21A-B2	2021	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
107	ĐHTQ21B-B2	2021	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
108	ĐHTQ21C-B2	2021	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
109	ĐHTQ22-B2	2022	Ngôn ngữ Trung quốc	11.000.000	

Danh sách này có 109 lớp.

